

Mẫu số 01

UBND XÃ MUỜNG TÙNG
TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS
MUỜNG TÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 25 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ĐỖ VĂN HÙNG. Ngày tháng năm sinh: 29/07/1980.
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường PTDTBT TH&THCS Mượ̀ng Tụ̃ng, Điện Biên.
- Nơi thường trú: Mượ̀ng Tụ̃ng - Mượ̀ng Tụ̃ng - Điện Biên
- Số căn cước công dân: 011080000840, ngày cấp: 08/04/2021, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: LƯỢ̀NG THỊ NINH. Ngày tháng năm sinh: 04/02/1980.
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc: Trường PTDTBT TH&THCS Mượ̀ng Tụ̃ng, Điện Biên
- Nơi thường trú: Mượ̀ng Tụ̃ng - Mượ̀ng Tụ̃ng - Điện Biên
- Số căn cước công dân: 011180001913, ngày cấp: 11/08/2022, Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: ĐỖ KHÁNH LY. Ngày tháng năm sinh: 23/04/2008
- Nơi thường trú: Mượ̀ng Tụ̃ng - Mượ̀ng Tụ̃ng - Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 011308002744 ngày cấp 28/6/2022, nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: ĐỖ THANH TRÚC. Ngày tháng năm sinh: 15/01/2012
- Nơi thường trú: Mượ̀ng Tụ̃ng - Mượ̀ng Tụ̃ng - Điện Biên
- Số căn cước công dân (hoặc mã định danh): 011312004020 ngày cấp 04/07/2024 nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Thửa đất số : 23, tờ bản đồ số: 19
- Địa chỉ: Mường Tùng - Mường Tùng - Điện Biên
- Diện tích: 322,6m². Trong đó: Đất ở: 200m² ; Đất trồng cây lâu năm: 122,6m².
- Giá trị: 50.000.000 đồng(*Giá trị tại thời điểm mua tháng 12/2015*).
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: BV 255 162. Ngày cấp: 15/12/2015.
Người được cấp : Đỗ Văn Hùng, Lương Thị Ninh. Nơi cấp: UBND huyện Mường Chà.

- Thông tin khác (nếu có): Hiện tại đang cho mượn.

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

- Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 19.
- Địa chỉ: Mường Tùng - Mường Tùng - Điện Biên
- Diện tích: 349m². Trong đó: Đất ở: 195m²; Đất trồng cây lâu năm: 159m².
- Giá trị: 50.000.000 đồng(*Giá trị tại thời điểm mua tháng 2/2017*).
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: CD 020 103. Ngày cấp: 01/3/2017.
Người được cấp : Đỗ Văn Hùng, Lương Thị Ninh. Nơi cấp: UBND huyện Mường Chà.

- Thông tin khác (nếu có): Hiện đang ở.

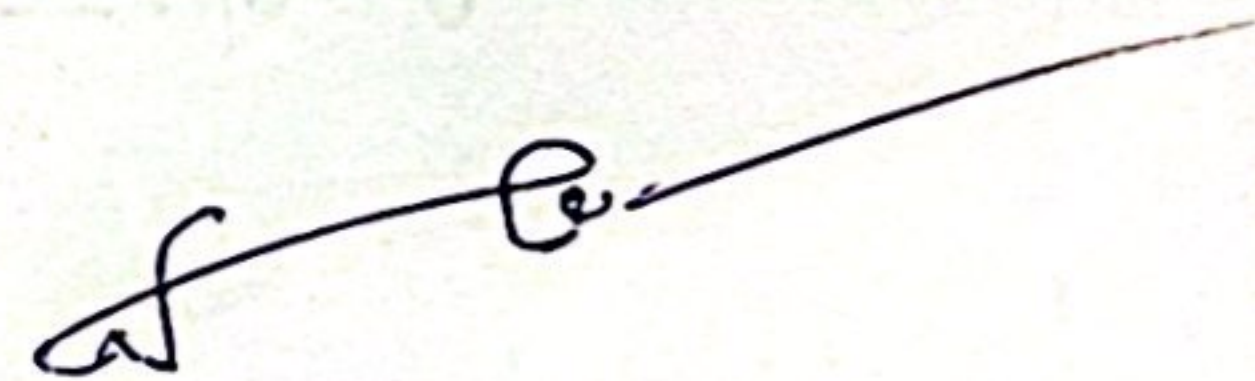
1.1.3 Mảnh thứ ba:

- Thửa đất số 500, tờ bản đồ số 288 - d - 2.
- Địa chỉ: Bản Hồng Lạnh – Thanh Nua - Điện Biên
- Diện tích: 270m². Trong đó: Đất ở: 100m²; Đất trồng cây lâu năm: 170m².
- Giá trị: 350.000.000 đồng(*Giá trị tại thời điểm mua tháng 4/2017*)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: CE 745 419. Ngày cấp: 15/5/2017.
Người được cấp : Đỗ Văn Hùng, Lương Thị Ninh. Nơi cấp : UBND huyện Điện Biên.

- Thông tin khác (nếu có): Đang cho mượn.

1.1.4. Mảnh thứ tư:

- Thửa đất số 2045, tờ bản đồ số 384 - b (Mảnh trích đo 175 - 2021).
- Địa chỉ: Thôn Bãi Màu – Thanh Yên – Điện Biên
- Diện tích: 204m² Trong đó: Đất ở: 60m²; Đất trồng cây lâu năm: 144m².



- Giá trị ước tính: 300.000.000 đồng (*Giá trị tại thời điểm nhận cho tháng 4/2021*)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: DB 531639. Ngày cấp: 28/10/2021.
Người được cấp : Đỗ Văn Hùng. Nơi cấp : UBND huyện Điện Biên.

- Thông tin khác (nếu có): Đang cho mượn.

1.2. Các loại đất khác:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ: Tin Tộc – Mường Tùng – Điện Biên

- Diện tích: 700m².

- Giá trị: 30.000.000 đồng (*Giá trị tại thời điểm mua tháng 11/2019*).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: *Không có*.

- Thông tin khác (nếu có): Đất làm ao thả cá

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): *Không có*.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Bản Mường Tùng - Mường Tùng - Điện Biên

- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ. Cấp công trình: cấp IV.

- Diện tích sử dụng: 60m²

- Giá trị: 50.000.000 đồng (*Giá trị tại thời điểm xây dựng tháng 5/2011*).

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: *Không có*

- Thông tin khác (nếu có): Nhà gỗ ba gian, Đang cho mượn.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ: Bản Mường Tùng - Mường Tùng - Điện Biên

- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ. Cấp công trình: cấp IV.

- Diện tích sử dụng: 100m²

- Giá trị: 300.000.000 đồng (*Giá trị tại thời điểm xây dựng tháng 5/2019*)

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: *Không có*

- Thông tin khác (nếu có): Nhà xây cấp IV, hiện đang ở.

2.2. Công trình xây dựng khác: *Không có*

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:

- Loại công trình: cấp công trình:

- Diện tích:
- Giá trị(10):
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): *Không có*

3. Tài sản khác gắn liền với đất(17): *Không có*

3.1. Cây lâu năm(18):

- Loại cây: Số lượng: Giá trị(10):
- Loại cây: Số lượng: Giá trị(10):

3.2. Rừng sản xuất(19):

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị(10):
- Loại rừng: Diện tích: Giá trị(10):

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị(10):
- Tên gọi: Số lượng: Giá trị(10):

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: *Không có*.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: *Không có*

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): *Không có*

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp (22):

- Hình thức góp vốn: Giá trị:
- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác (23):

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản: ô tô 5 chỗ ngồi. Nhãn TOYOTA. Số loại: VIOS E. Biển số đăng ký: 27A-01747. Giá trị: 300.000.000 đồng (Tại thời điểm mua năm 2015).

- Số GCN đăng ký: 27 012820.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác: *Không có*

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài: *Không có*

9. Tài khoản ở nước ngoài: *Không có*

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 574.220.000 đồng.

- Tổng thu nhập của người kê khai: 292.900.000 đồng từ lương

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 281.320.000 đồng từ lương

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0 đồng.

- Tổng các khoản thu nhập chung: 0 đồng.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	Không		
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng	Không		
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	Không		
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có	Không		

tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Không		
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác	Không		
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).	Không		
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.	Không		
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.		+574.220.000 đồng	+ Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của người kê khai: 292.900.000 đồng + Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của vợ người kê khai: 281.320.000 đồng

Mường Tùng, ngày tháng năm 202
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Mường Tùng, ngày 25 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Đỗ Văn Hùng